



UNIT 1: BACK TO SCHOOL



Look and learn (Nhìn tranh và đọc từ vựng)



1. **careful**
/'keə.fəl/
cẩn thận



2. **boring**
/'bɔːrɪŋ/
nhàm chán



3. **difficult**
/'dɪf.ɪ.kəlt/
khó



4. **Maths**
môn Toán



5. **Art**
môn Mỹ thuật



6. **P.E.**
môn Thể dục

Exercise 1 Match the words.

Nối từ tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt.

- | | | |
|--------------|-----------------------|-----------------|
| 1. Maths | ☐ | a. khó |
| 2. careful | ☐ | b. môn Thể dục |
| 3. Art | ☐ | c. cẩn thận |
| 4. difficult | ☐ | d. môn Toán |
| 5. P.E. | ☐ | e. môn Mỹ thuật |
| 6. boring | ☐ | f. nhàm chán |

Exercise 2 Choose the correct word.

Khoanh tròn đáp án đúng.

- I draw pictures in _____.
A. Art B. Maths
- I run and jump in _____.
A. P.E. B. Art
- Maths is not easy. It is _____.
A. careful B. difficult
- Be _____ when you cross the road.
A. careful B. boring
- I don't like this film. It is _____.
A. boring B. Maths
- I learn numbers in _____.
A. P.E. B. Maths



Exercise 3 Fill in the blanks.

Điền từ trong khung vào chỗ trống. Mỗi từ dùng một lần.

Art • careful • boring • P.E. • difficult • Maths

- I draw a picture in _____.
- Please be _____.
- This exercise is very _____.
- I play sports in _____.
- This book is not interesting. It is _____.
- I learn addition in _____.



Exercise 4 Listening.

Học sinh nghe giáo viên đọc và chọn từ đúng.
Giáo viên đọc mỗi câu 2 lần.



- | | |
|--|---|
| 1. My favourite subject is ...
A. Maths
B. Art
C. P.E. | 4. I like drawing in ...
A. P.E.
B. Maths
C. Art |
| 2. This test is ...
A. boring
B. difficult
C. careful | 5. I run and jump in ...
A. Art
B. P.E.
C. Maths |
| 3. Be ... in the classroom.
A. careful
B. boring
C. difficult | 6. This lesson is ... I don't like it.
A. careful
B. boring
C. Maths |

You can do it! 😊